

TỈNH ĐOÀN KIÊN GIANG
BCH ĐOÀN HUYỆN AN BIÊN

Số: 46-CV/ĐTN
"V/v Thu, trích nộp đoàn phí
6 tháng cuối năm 2019"

ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

An Biên, ngày 09 tháng 10 năm 2019

Kính gửi:

- Đoàn cơ sở các xã, thị trấn;
- Đoàn trường THPT trực thuộc;
- Chi đoàn và Đoàn cơ sở ban ngành Huyện.

Căn cứ Điều 41, chương XI Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về việc thu, nộp đoàn phí;

Để đánh giá tinh thần trách nhiệm và nghĩa vụ đối với tổ chức Đoàn của Đoàn viên, đảng viên tham gia sinh hoạt Đoàn. Đồng thời làm cơ sở bình xét thi đua khen thưởng công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2019.

Ban Thường vụ Huyện đoàn đề nghị Đoàn cơ sở các xã, thị trấn, các Đoàn trường THPT, Chi đoàn và Đoàn cơ sở trực thuộc căn cứ vào chỉ tiêu được giao, chỉ đạo phân bổ chỉ tiêu cho các đơn vị trực thuộc thực hiện việc thu, chi và trích nộp đoàn phí 06 tháng cuối năm 2019 đúng theo quy định (có danh sách kèm theo). Đồng thời trích đoàn phí nộp về Huyện đoàn chậm nhất đến ngày **31/10/2019** qua đồng chí **Võ Thị Diệu** – Cán bộ Huyện đoàn.

Nhận được công văn, đề nghị các cơ sở Đoàn trực thuộc nghiêm túc triển khai thực hiện đúng theo tinh thần công văn chỉ đạo.

Nơi nhận:

-Như KG;
-Lưu VP.

TM. BTV HUYỆN ĐOÀN
BÍ THƯ



Đinh Thị Tuyết Dung

TỈNH ĐOÀN KIÊN GIANG
BCH ĐOÀN HUYỆN AN BIÊN

ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
An Biên, ngày 09 tháng 10 năm 2019

DANH SÁCH

Phân bổ chỉ tiêu trích nộp Đoàn phí 6 tháng cuối năm 2019

TT	Đơn vị	TS đoàn viên	Đoàn viên hưởng lương	Số tiền ĐV không lương nộp 01 tháng	Tổng tiền ĐP thu 01 tháng (4*5.000+5)	Nộp 1/3 lên Đoàn cơ sở	Nộp 1/3 Lên Huyện đoàn		Nợ 6 tháng đầu năm 2019	TS tiền phải nộp 6 tháng cuối năm 2019	Ghi chú
							01 tháng	06 tháng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
01	ĐCS Thị trấn Thới Ba	122	25	194.000	319.000	106.333	35.444	212.667	212.667	425.334	
02	Xã Đoàn Đông Yên	186	75	222.000	597.000	199.000	66.333	398.000	398.000	796.000	
03	Xã Đoàn Đông Thái	299	64	470.000	790.000	263.333	87.778	526.667		526.667	
04	Xã Đoàn Hưng Yên	209	40	338.000	538.000	179.333	59.778	358.667		358.667	
05	Xã Đoàn Tây Yên	159	71	176.000	531.000	177.000	59.000	354.000	354.000	708.000	
06	Xã Đoàn Tây Yên A	309	25	568.000	693.000	231.000	77.000	462.000	462.000	924.000	
07	Xã Đoàn Nam Thái	198	57	282.000	567.000	189.000	63.000	378.000		378.000	
08	Xã Đoàn Nam Thái A	193	55	276.000	551.000	183.667	61.222	367.333	367.333	734.666	
09	Xã Đoàn Nam Yên	156	58	196.000	486.000	162.000	54.000	324.000		324.000	
10	Đoàn cơ sở Công an	33	21	24.000	129.000	43.000	14.333	86.000	86.000	172.000	
TỔNG CỘNG		1.864	491	2.746.000	5.201.000	1.733.667	577.889	3.467.333	1.880.000	5.347.333	

TỈNH ĐOÀN KIÊN GIANG
BCH ĐOÀN HUYỆN AN BIÊN

ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
An Biên, ngày 09 tháng 10 năm 2019

DANH SÁCH
Phân bổ chỉ tiêu trích nộp Đoàn phí 6 tháng đầu năm 2019

TT	Đơn vị	TS đoàn viên	Số tiền ĐP thu 01 tháng	Số tiền ĐP thu 06 tháng	Nộp 1/3 Lên Huyện đoàn		Nợ 6 tháng đầu năm 2019	Ts tiền phải nộp 06 tháng cuối năm 2019	Ghi chú
					01 tháng	06 tháng			
01	CD Quân sự	2	10.000	60.000	3.333	20.000	80.000	100.000	
02	CD Khó khăn Dân vận	12	60.000	360.000	20.000	120.000		120.000	
03	CD Nội vụ - Lao động	3	15.000	90.000	5.000	30.000		30.000	
04	CD Trung tâm Y Tế	35	175.000	1.050.000	58.333	350.000		350.000	
05	CD Tài nguyên Môi trường	10	50.000	300.000	16.667	100.000	100.000	200.000	
06	CD Phòng công thương	6	30.000	180.000	10.000	60.000		60.000	
07	CD Ngân hàng Nông nghiệp	6	30.000	180.000	10.000	60.000	300.000	360.000	
08	CD Tòa án - Viện kiểm sát	9	45.000	270.000	15.000	90.000	270.000	360.000	
09	CD Bưu điện	6	30.000	180.000	10.000	60.000	60.000	120.000	
TỔNG CỘNG		89	445.000	2.670.000	148.333	890.000		1.700.000	

TỈNH ĐOÀN KIÊN GIANG
BCH ĐOÀN HUYỆN AN BIÊN

ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
An Biên, ngày 09 tháng 10 năm 2019

DANH SÁCH

Phân bổ chỉ tiêu trích nộp Đoàn phí 6 tháng cuối năm 2019

TT	Đơn vị	TS đoàn viên	Đoàn viên hưởng lương	Số tiền DV không lương nộp 01 tháng	Tổng tiền ĐP thu 01 tháng (4*5.000+5)	Nộp 1/3 lên Đoàn cơ sở	Nộp 1/3 Lên Huyện đoàn		Nợ 6 tháng đầu năm 2019	TS tiền phải nộp về 6 tháng cuối năm 2019	Ghi chú
							01 tháng	06 tháng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
01	Trường THPT An Biên	1.048	17	2.062.000	2.147.000	715.667	238.556	1.431.333		1.431.333	
02	Trường THPT Đông Thái	432	11	842.000	897.000	299.000	99.667	598.000		598.000	
03	Trường THPT Nam Yên	190	16	348.000	428.000	142.667	47.556	285.333	570.666	855.999	
04	Đoàn Trường TT GDTX	28	1	54.000	59.000	19.667	6.556	39.333	39.333	78.666	
TỔNG CỘNG		1.698	45	3.306.000	3.531.000	1.177.000	392.333	2.354.000	609.999	2.963.999	